

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Bản án số:06/2024/DS-ST

Ngày: 09-5-2024

V/v: “*Tranh chấp về chậm thực hiện
nghĩa vụ trả tiền mua bán hàng hóa*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Giang.
2. Bà Lê Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST - DS ngày 23/01/2024 về việc “*Tranh chấp về chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 17/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Bà Triệu Thị A, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong các năm 2010, 2011 và 2012 bà có bán phân bón các loại cho bà Triệu Thị A, tính đến ngày 22/01/2014 hai bên chốt nợ và bà Triệu Thị A xác nhận còn nợ lại bà Nguyễn Thị H số tiền tổng cộng là 28.706.000 đồng. Trong đó tiền gốc 23.816.000 đồng và tiền lãi là 4.890.000 đồng (tiền lãi 12 tháng trong năm 2012

trên số tiền nợ gốc 20.308.000 đồng của năm 2011 với mức lãi xuất tính 02%/tháng) và bà Triệu Thị A đã ký xác nhận.

Sau khi chót nợ vào ngày 22/01/2014 thì bà Triệu Thị A đã trả được cho bà O lần với số tiền là 4.300.000 đồng; cụ thể ngày 10/02/2015 trả 900.000 đồng, ngày 30/12/2016 trả 2.000.000 đồng, ngày 30/12/2019 trả 500.000 đồng, ngày 30/12/2020 trả 200.000 đồng, ngày 30/12/2021 trả 200.000 đồng và ngày 30/12/2022 trả 500.000 đồng. Mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng bà Triệu Thị A chỉ trả được 4.300.000 đồng nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Triệu Thị A phải trả cho bà số tiền tổng cộng là 24.406.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn bà Triệu Thị A trả số tiền lãi 4.890.000 đồng và yêu cụ thể như sau: Yêu cầu bà Triệu Thị A trả cho bà số tiền gốc còn lại là 19.516.000 đồng (tiền gốc 23.816.000 đồng - 4.300.000 đồng đã trả).

- Tại các bản tự khai ngày 07/3/2024, ngày 17/4/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Triệu Thị A trình bày:

Bà Triệu Thị A thừa nhận trong các năm 2010, 2011 và 2012 bà có mua phân bón các loại của bà Nguyễn Thị H, tính đến ngày 22/01/2014 bà còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền mua bán phân bón bao gồm cả gốc và lãi là 23.816.000 đồng, đã trả được cho bà H tổng cộng là 18.200.000 đồng, cụ thể: Ngày 07/02/2014 trả 3.000.000 đồng, ngày 10/12/2015 trả 9.000.000 đồng, ngày 30/12/2016 trả 5.000.000 đồng, ngày 30/12/2019 trả 500.000 đồng, ngày 30/12/2021 trả 200.000 đồng và ngày 30/12/2022 trả 500.000 đồng. Nay bà chỉ còn nợ lại bà H số tiền là 5.616.000 đồng và đồng ý trả cho bà H số tiền này và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền lãi bà H tính 2%/tháng.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Triệu Thị A về số lãi 4.890.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Triệu Thị A về yêu cầu trả số tiền mua bán phân bón còn nợ. Buộc bà Triệu Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 16.470.720 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

- Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Triệu Thị A trả tiền mua bán phân bón còn nợ; bà Triệu Thị A cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Do đó, HĐXX xác định đây là vụ án “*Tranh chấp về chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua bán hàng hóa*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: a)...*Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11*

Xét thấy, hợp đồng mua bán phân bón (thỏa thuận mua bán phân bón) giữa bà Nguyễn Thị H và bà Triệu Thị A được thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực và đang được thực hiện vì các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể là thỏa thuận về việc trả lãi không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án và vấn đề có tranh chấp:

[3.1] Về nội dung vụ án, thấy rằng: Trong các năm 2010, 2011 và 2012 giữa bà Nguyễn Thị H và bà Triệu Thị A có quan hệ mua bán phân bón với nhau, trong đó bà H là bên bán và bà A là bên mua; trong quá trình giải quyết vụ án bà Triệu Thị A thừa nhận tính đến ngày 22/01/2014 bà còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền mua bán phân bón bao gồm cả gốc và lãi là 23.816.000 đồng nhưng đã trả được

18.200.000 đồng còn nợ lại 5.616.000 đồng; tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H cho rằng tiền nợ 23.816.000 đồng là tiền gốc vì tiền lãi tính riêng theo từng năm và bà Triệu Thị A chỉ mới trả được 4.300.000 đồng còn nợ lại 19.516.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận và không có tranh chấp về số tiền còn nợ mà chỉ tranh chấp về số tiền đã trả sau khi chốt nợ. Như vậy, về số tiền còn nợ 23.816.000 đồng giữa bà Nguyễn Thị H và bà Triệu Thị A tính đến ngày 22/01/2014 là tình tiết tính, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về việc thỏa thuận tính lãi suất: Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác, hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện trong số tiền chốt nợ có số tiền lãi 4.873.000 đồng, đây là số tiền lãi 12 tháng trong năm 2011 của số tiền nợ gốc 20.308.000 đồng của năm 2011, lãi suất tính 2%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất các bên tính 2%/tháng (24/năm) là vượt quá mức quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 nên sẽ được tính lại theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, cụ thể: Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng N quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng). Tiền lãi trên số tiền gốc: 20.308.000 đồng x 0,75% x 12 tháng = 1.827.720 đồng. Số tiền lãi chênh lệch theo thỏa thuận của các bên là 3.045.280 đồng (4.873.000 đồng - 1.827.720 đồng) sẽ được trừ vào số tiền chốt nợ.

[4] Về vấn đề có tranh chấp: Bà Triệu Thị A cho rằng sau khi chốt số tiền nợ 23.816.000 đồng thì bà đã trả được cho bà Nguyễn Thị H là 18.200.000 đồng còn nợ lại 5.616.000 đồng; tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H cho rằng bà Triệu Thị A chỉ mới trả được 4.300.000 đồng còn nợ lại 19.516.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà Triệu Thị A cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà đã trả cho bà H số tiền 18.200.000 đồng nhưng bà Triệu Thị A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng bà Triệu Thị A đã trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 18.200.000 đồng.

Việc bà Nguyễn Thị H thừa nhận bà Triệu Thị A đã trả được số tiền 4.300.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên được chấp nhận ngoài ra số tiền lãi chênh lệch 3.045.280 đồng được tính lại tại mục [3.2] cũng sẽ được trừ vào số tiền còn nợ. Sau khi trừ số tiền 4.300.000 đồng mà bà Triệu Thị A đã trả và số tiền lãi chênh lệch 3.045.280 đồng thì bà Triệu Thị A còn phải trả cho

bà Nguyễn Thị H là 16.470.720 đồng. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 280, 281, 290, Điều 305 và 438 Bộ luật dân sự 2005 buộc bà Triệu Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền còn lại là 16.470.720 đồng.

[5] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 4.890.000 đồng; xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về số tiền này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn bà Triệu Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Triệu Thị A về số tiền lãi 4.890.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Triệu Thị A về yêu cầu trả số tiền mua bán phân bón còn nợ.

Buộc bà Triệu Thị A phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 16.470.720 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc bà Triệu Thị A phải chịu 823.536 đồng (T *trăm hai mươi ba nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến